TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DSST
Ngày: 10/5/2022
"Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Drênh.
2. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 03/11/2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS, ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C;

Địa chỉ: Số 169 L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân N, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Gia Lai (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C);

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Võ Huy C, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền số: 08/NHCS-GUQ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Gia Lai).

Ông Võ Huy C có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 6, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021 và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Trong hai năm 2019 và 2020, ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H cư trú trú tại thôn 06, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai có vay tín chấp tại Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K các khoản vay cụ thể như sau:

- Ngày 14/10/2019, ông bà có vay vốn chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 20.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng làm giếng và nhà vệ sinh, mã món vay số 6600000716366376, lãi suất vay 9.0%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/10/2024. Tính đến ngày 10/5/2022 hộ vay còn nợ số tiền lãi của khoản vay là 599.562 đồng. Như vậy, số tiền ông D và bà H còn nợ là 20.599.562 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng và nợ lãi là 599.562 đồng.

- Ngày 17/6/2020, ông D và bà H tiếp tục vay vốn thông qua chương trình cho vay là Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền 50.000.000 đồng, mục đích sử dụng là để nuôi bò sinh sản, mã món vay số 6600000718169642, lãi suất vay 9.0%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/6/2023. Tính đến ngày 10/5/2022 hộ vay còn nợ số tiền lãi của khoản vay này là 898.905 đồng. Như vậy, số tiền ông D và bà H còn nợ là 50.898.905 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi nợ lãi là 898.905 đồng.

Trong thời gian qua hộ vay không chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định, để lãi tồn đọng cao, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng hoạt động của Ngân hàng. Hiện nay 02 khoản vay trên của ông D và bà H đã chuyển sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng C thông qua Ngân hàng C huyện K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ vay cả gốc và lãi (tính đến ngày 10/5/2022) cho Ngân hàng C là 71.498.467 đồng và số tiền lãi vay phát sinh trong thời gian chưa hộ vay trả hết nợ.

Về phía bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 6, xã An T, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông D và bà H vắng mặt, không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà, khẳng định: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó: Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/5/2022 là 71.498.467 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng C ủy quyền cho Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện K khởi kiện ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H để yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo các thỏa thuận tại Sổ vay vốn lập ngày 08/10/2019. Theo quy định thì đây là một dạng hợp đồng tín dụng do đó đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ông D và bà H có địa chỉ cư trú tại thôn 6, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên nhưng đều vắng mặt không lý do. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là đúng với quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Trong hai năm 2019 và 2020, hộ ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H có vay tín chấp tại Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K các khoản vay cụ thể như sau:

- Ngày 14/10/2019, ông bà có vay vốn chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay sử dụng làm giếng và nhà vệ sinh, mã món vay số 6600000716366376, lãi suất vay 9.0%/năm, kỳ hạn trả nợ là 6 tháng một lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/10/2024.

- Ngày 17/6/2020, ông D và bà H tiếp tục vay vốn thông qua chương trình cho vay là Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích sử dụng là để nuôi bò sinh sản, mã món vay số 6600000718169642, lãi suất vay 9.0%/năm, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng một lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/6/2023.

Xét việc hai bên ký kết hợp đồng hợp đồng tín dụng nói trên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật dân sự và tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên hợp đồng này là hợp pháp đồng thời phát sinh các quyền và nghĩa vụ sau khi ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù đã đến hạn trả gốc và lãi định kỳ nhưng bên vay không trả là đã vi phạm những cam kết mà các bên

đã thỏa thuận khi ký kết Hợp đồng và cũng chính vì vậy khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D và bà H phải trả nợ gốc và lãi phát sinh. Yêu cầu đó là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét việc thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/5/2022, ông D và bà H còn nợ Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K số tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng là 599.562 đồng và số tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng là 898.905 đồng.

Như vậy, cần buộc ông D và bà H phải trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K toàn bộ số nợ cả gốc và lãi nói trên là phù hợp.

Đối với bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông D và bà H có thái độ thiếu tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây cản trở cho Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông D, bà H đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định về vụ án là hợp lý, ông bà phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 235, 238, 264, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 119, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 1.498.467 đồng, tổng cộng hai khoản là 71.498.467 đồng (*Bảy mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/5/2022) ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.574.923 đồng (*Ba triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm hai mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.